

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 05 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư
2. Ông Dương Cao Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Văn L; sinh năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 450C/10 Đường D, Phường M, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (chết) và bà Dương Thị L1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 11/11/2014, Công an huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 10/3/2016, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh kết án 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 55/2016/HSST), khi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi. Ngày 07/4/2016, chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 20/01/2017, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh kết án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 17/2017/HSST), khi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/6/2017, chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 13/9/2017, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh kết án 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 147/2017/HSST). Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2017 (Bản án bị sửa chữa, bổ sung theo Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 40/TA-TA ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình). Chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và chưa bồi thường cho bị hại. Khi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi.

- Ngày 14/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh kết án 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 145/2017/HSST), khi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi. Chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Tổng hợp hình phạt tù của Bản án số 147/2017/HSST ngày 13/9/2017 và Bản án số 145/2017/HSST ngày 14/9/2017 là 04 năm 06 tháng tù, đến ngày 09/10/2020, chấp hành xong.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2021 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại*: Anh Tạ Hoàng Lâm V, sinh năm 1985; nơi cư trú: 349 Lô X, Chung cư NTT, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Võ Thị Thảo G, sinh năm 1995; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Ấp LT, xã LT, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang; chỗ ở: 349 Lô X, Chung cư NTT, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là đối tượng không nghề nghiệp và mới chấp hành xong án phạt tù. Vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 17/7/2021, L đi bộ lòng vòng khu vực Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm tài sản trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài. Khi L đi đến trước khu vực nhà trọ số 154/41/11 Đường A, Phường B, Quận 8, L thấy cửa nhà không đóng nên lên đi vào trong và thấy có nhiều xe gắn máy. L dùng cây đoản (mang theo sẵn) bẻ ô khóa xe gắn máy hiệu Honda Air Blade, biển số 67K1 – 280.57 của anh Tạ Hoàng Lâm V, rồi dẫn xe ra ngoài nổ máy tẩu thoát, đồng thời vứt bỏ cây đoản bẻ khóa xe. Trên đường đi, L làm rơi biển số xe 67K1 – 280.57 (không rõ vị trí). L đem xe trộm cắp được của anh V gửi tại bãi xe dưới tầng hầm của khách sạn HG (địa chỉ: 01 đường Y, Khu dân cư TS, xã BH, huyện Bình Chánh).

Gửi xe xong, L gọi điện cho Nguyễn Quốc D để gạ bán xe nêu trên cho D với giá 6.000.000 đồng và được D đồng ý. Do L còn nợ D số tiền 3.300.000 đồng nên cần trừ vào tiền bán xe, D hẹn vài ngày sau sẽ trả cho L số tiền chênh lệch là 2.700.000 đồng. Theo chỉ dẫn của L, vào khoảng 08 giờ ngày 18/7/2021, D đến bãi xe dưới tầng hầm của khách sạn HG lấy xe gắn máy nêu trên đem về nhà D.

Đến tối ngày 19/7/2021, L đổi ý không muốn bán xe cho D nữa nên nhắn tin và gọi điện thoại cho D, nói rằng L đã thỏa thuận bán xe cho người khác với giá cao hơn, đồng thời L nhờ D mang xe trả lại cho L tại khách sạn HG. D đồng ý nhưng vì xe không khởi động được nên D nhờ bạn gái tên Ngân (chưa rõ lai lịch) gọi điện cho Võ Thành V nhờ V hỗ trợ đẩy xe từ nhà D đến khách sạn HG. Sau đó, V giao xe Wave Alpha RSX, biển số

54L5 – 2058 của V cho D điều khiển, dùng chân đẩy xe Air Blade (không biển số nêu trên) do V điều khiển. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, cùng ngày 20/7/2021, khi D và V đang đẩy xe đến giao lộ đường NTT và đường Y, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7 thì bị Tổ tuần tra Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 7 phát hiện, nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra, sau đó đưa tất cả về trụ sở Công an phường Tân Hưng, Quận 7 để làm rõ.

Từ lời khai của D và V, qua truy xét, Công an Quận 7 mời L về trụ sở làm việc và L khai nhận hành vi trộm cắp tài sản đã thực hiện vào ngày 17/7/2021. Ngoài ra, L và D khai nhận: Khi mua bán xe gắn máy, L chỉ nói cho D biết xe của người nhà L, do bị mất giấy tờ nên L bán rẻ cho D, L không nói xe trên do trộm cắp mà có. Sau khi mua xe, D có nghi ngờ xe do trộm cắp mà có nên khi L yêu cầu trả xe thì D đồng ý trả. Đối với V, khi được D nhờ đẩy xe, V không biết xe do trộm cắp mà có. Do vụ việc xảy ra tại khu vực Quận 8 nên Công an Quận 7 đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Công an Quận 8 để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 18/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Air Blade do L chiếm đoạt có giá trị là 11.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Lê Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của L phù hợp với lời khai của những người liên quan và vật chứng tạm giữ trong vụ án.

Xe gắn máy Honda Air Blade không có biển số do L chiếm đoạt của anh V có số khung: RLHJF4617EY360904, số máy: JF46E5060930. Qua xác minh, xe này do chị Võ Thị Thảo G đứng tên đăng ký. Khoảng tháng 01/2021, chị Ly đã tặng xe này cho anh rể của chị là anh Tạ Hoàng Lâm V, do là người thân trong gia đình nên không làm thủ tục sang tên. Khoảng 19 giờ ngày 17/7/2021, anh V điều khiển xe đến nhà bạn chơi tại số 154/41/11 Đường A, Phường B, Quận 8, sau đó bị L chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe và giấy đăng ký xe trên cho anh V.

Xe gắn máy Honda Wave RS, biển số: 54L5 – 2058 tạm giữ của Võ Thành V. Qua xác minh, xe trên thuộc sở hữu của bà Võ Thị Kim D (mẹ ruột V). Bà D và V không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Văn L nên Cơ quan điều tra đã trao trả xe trên cho bà D.

Điện thoại di động hiệu Iphone 4 tạm giữ của Võ Thành V và điện thoại di động hiệu Window phone kiểu dáng Nokia Lumia 625H tạm giữ của Nguyễn Quốc D. Qua điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Văn L nên Cơ quan điều tra đã trao trả 02 điện thoại trên cho V và D.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 tạm giữ của Lê Văn L.
- 01 USB hiệu HP màu đen, loại 04 GB do anh Trịnh Kim N1 (quản lý nhà trọ số 154/41/11 Đường A, Phường B, Quận 8) giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tạ Hoàng Lâm V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 193/CT-VKS ngày 15/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi nội dung quyết định truy tố như sau: Rút một phần nội dung truy tố về tình tiết định khung hình phạt “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn L. Truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do xác định các lần bị kết án trước đó của bị cáo không coi là án tích, không thuộc trường hợp định khung hình phạt “*Tái phạm nguy hiểm*”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút một phần nội dung truy tố về tình tiết định khung hình phạt “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn L; quyết định truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc rút một phần quyết định truy tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, không làm xấu đi tình trạng của bị cáo và phù hợp Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 17/7/2021, tại trước số 154/41/11 Đường A, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Văn L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy biển số 67K1-280.57 trị giá 11.000.000 đồng của anh Tạ Hoàng Lâm V, hành vi của bị cáo đã kịp thời bị phát hiện.

[4] Bị cáo bị kết án 04 lần vào năm 2016 và 2017 theo các Bản án số 55/2016/HSST, 17/2017/HSST, 145/2017/HSST và 147/2017/HSST. Xét thấy, trong các lần bị kết án nói trên, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về “Xóa án tích” thì cả 04 lần bị kết án kể trên đối với bị cáo được coi là không có án tích.

[5] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[6] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[8] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, thuộc trường hợp “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[9] Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và nhiều lần bị kết án trong các năm 2016 và 2017. Mặc dù các lần kết án đối với bị cáo được coi là không có án tích nhưng việc bị cáo liên tục phạm tội cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt đủ nghiêm khắc, phù hợp với nhân thân bị cáo, cũng như đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[10] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng vụ án: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại xe gắn máy biển số 67K1-280.57 cho bị hại và trả các tài sản tạm giữ khác không liên quan đến hành vi phạm tội cho chủ sở hữu. Đồng thời, bị hại và chủ sở hữu tài sản không có ý kiến, yêu cầu liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 tạm giữ của bị cáo, xét là tài sản của bị cáo, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo.

[14] 01 USB hiệu HP màu đen, loại 04 GB chứa dữ liệu hình ảnh bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội, do anh Trịnh Kim N (quản lý nhà trọ số 154/41/11 Đường D, Phường B, Quận 8) giao nộp, đang lưu trữ theo hồ sơ vụ án, anh N không yêu cầu nhận lại. Xét đây là chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm, anh N không yêu cầu nhận lại nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[15] Qua điều tra, xác định Nguyễn Quốc D và Võ Thanh V không phải đồng phạm, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/7/2021.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn L: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 màu vàng, số Imei 1: 352405094937583, số Imei 2: 352406094937581, gắn sim số 079.599.8604.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/10/2021).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Văn L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc